ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1025 /2013/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 6 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 56/TTr-SNN ngày 09/4/2013; số 85/TTr-SNN ngày 28/5/2013 về việc ban hành quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố, Báo cáo thẩm định số 11/BCTĐ-STP ngày 04/4/2013; số 19/BCTĐ-STP ngày 23/5/2013 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận; Giám đốc các Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Bộ NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản của Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- CVUB;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Dương Anh Điền

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1025/2013/QĐ–UBND ngày 10 /6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ, quản lý, khai thác công trình, hệ thống công trình thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Lưu lượng*: Là thể tích nước chảy qua một mặt cắt ướt của dòng chảy trong một đơn vị thời gian. Đơn vị tính là m^3/giây.

2. *Hồ chứa*: Là công trình làm nhiệm vụ trữ nước để cấp nước tưới cho một diện tích nhất định và thực hiện chức năng điều tiết lũ cho một lưu vực nhất định.

3. Kênh chìm: Là kênh đào chìm, có mặt cắt chuyển nước nằm dưới mặt đất tự nhiên.

4. Kênh nổi: Là kênh đắp hoặc xây nổi, có đáy kênh cao hơn mặt đất tự nhiên.

5. Phạm vi vùng phụ cận: Là phạm vi giáp công trình thủy lợi được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm bảo vệ an toàn cho công trình.

Chương II

PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 3. Phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi, phạm vi vùng phụ cận của công trình thuỷ lợi.

1. Phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi vùng phụ cận của công trình thuỷ lợi, việc sử dụng đất phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình, phải có đường đi lại để quan trắc, theo dõi, quản lý và có mặt bằng để tu bổ và xử lý khi có sự cố công trình;

3. Phạm vi vùng phụ cận của công trình thuỷ lợi được quy định như sau:

a) Đối với đập và khu vực lòng hồ của các hồ chứa nước, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ đập được tính từ chân đập trở ra thực hiện theo Quy định tại Điểm a, Điểm d, Khoản 3, Điều 25 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá X.

b) Đối với kênh nổi có đắp bờ kênh, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài của bờ kênh trở ra như sau:

- Kênh có lưu lượng lớn hơn 10 m3/giây, phạm vi vùng phụ cận là 3 - 5 m;

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 10 m3/giây, phạm vi vùng phụ cận là 2- 3 m;

- Đối với kênh xây hoặc kênh bê tông.

+ Đối với kênh có đắp đất bờ kênh: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài bờ kênh trở ra ứng với từng cấp lưu lượng;

+ Đối với kênh không đắp bờ kênh: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài của móng kênh trở ra ứng với từng cấp lưu lượng.

c) Đối với kênh chìm, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài của bờ kênh trở ra như sau:

- Kênh có lưu lượng lớn hơn 30 m3/giây, phạm vi vùng phụ cận là 100 m;

- Kênh có lưu lượng lớn hơn 20 m3/giây đến 30 m3/giây, phạm vi vùng phụ cận là 30 m;

- Kênh có lưu lượng từ 10 m3/giây đến 20 m3/giây, phạm vi vùng phụ cận là 20 m;

- Kênh có lưu lượng từ 5m3/giây đến 10 m3/giây, phạm vi vùng phụ cận là 5 - 10 m;

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 5 m3/giây, phạm vi vùng phụ cận là 2- 5 m;

d) Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận thực hiện theo quy định chung về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi.

đ) Đối với các đoạn kênh đi qua các khu đô thị, khu công nghiệp, trung tâm thị trấn, khu đông dân cư có nhà ở liền kề ven kênh, phạm vi vùng phụ cận tối thiểu là 05 m;

4. Đối với cống dưới đê việc phạm vi bảo vệ thực hiện theo quy định của Luật Đê điều.

5. Đối với công trình thủy lợi đã thay đổi tiêu chuẩn, quy mô, mục đích sử dụng hoặc đã được gia cố với tiêu chuẩn cao hơn thì vùng phụ cận được phép điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhưng phải đảm bảo an toàn và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi

Việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn lập và phê duyệt Phương án bảo vệ công trình thuỷ lợi.

Điều 5. Xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Nhà ở, công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đã được đền bù, có quyết định thu hồi phải di dời.

2. Nhà ở, công trình hiện có nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ngoài quy định tại khoản 1 của Điều này thì phải di dời theo Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trong thời gian chưa di dời, chủ công trình có thể cải tạo, sửa chữa để đảm bảo tính mạng, tài sản của mình nhưng không được nâng cấp, mở rộng quy mô diện tích. Khi có yêu cầu đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng công trình thủy lợi, nhà nước sẽ thu hồi diện tích đất trong phạm vi vùng phụ cận và người sử dụng đất được xem xét bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

3. Công trình, nhà ở không hợp pháp trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc diện phải di dời được xem xét hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ các công trình thủy lợi do địa phương quản lý; đồng thời thẩm định, trình duyệt và theo dõi việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ các công trình thủy lợi do các Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi quản lý.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của các Sở, ban, ngành có liên quan:

Các Sở, ban, ngành của thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực bảo vệ, quản lý, khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện tốt Quy định này.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Uỷ ban nhân dân cấp huyện, quận (cấp huyện); Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã):

a) Uỷ ban nhân dân cấp huyện; Uỷ ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương lập phương án xử lý tháo dỡ, di chuyển hoặc tiếp tục sử dụng đối với nhà và các công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi có công trình thủy lợi phối hợp với đơn vị quản lý công trình, tổ chức tuyên truyền Pháp lệnh Khai thác công trình thủy lợi số: 32/2011/PL-UBTVQH10 ngày 10/4/2001 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố và trước pháp luật khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do địa phương mình quản lý.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thuỷ lợi:

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các đơn vị, cá nhân trực tiếp quản lý công trình thủy lợi phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Dương Anh Điền